TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 95/2023/HS-ST Ngày 21-11-2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng, là công chức đã nghỉ hưu.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh, là giáo viên đã nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trần Trọng H, sinh năm 2004, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành C (chết) và bà Trần Ngọc X; chưa có vợ, con; tiền án: không có, tiền sự: ngày 24/4/2023, bị Công an xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 30/QĐ-XPHC xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý", chưa chấp hành việc nộp phạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2023 đến nay; (có mặt)

2. Đinh Hoài T, sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; nơi thường trú: Khu phố E, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp T, xã T, huyện

C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn L (chết) và bà Nguyễn Thanh L1; có vợ là Nguyễn Thị Dương T1 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2023 đến nay; (có mặt)

- Bị hại cháu Trương Quốc B, sinh ngày 07/7/2008; nơi cư trú: Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Trương Văn H1, sinh năm 1970; (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Cùng cư trú: Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Lê Thanh Đ, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Trương Chí N1, sinh năm 2001; nơi cư trú: Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

2. Cháu Võ Phạm Hoàng M, sinh ngày 19/01/2009; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Võ Phạm Hoàng M:

1. Chị Phạm Thị Mộng T2, sinh năm 1988;

2. Anh Võ Phước L2, sinh năm 1988;

Cùng cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Võ Phước L2: Chị Phạm Thị Mộng T2, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 27/8/2023). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 06/5/2023, Nguyễn Trần Trọng H đang uống cà phê tại quán cà phê "Chỗ Cũ" thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh thì Võ Phạm Hoàng M, sinh ngày 19/01/2009 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu sơn đen, biển số 70B2-094.04 do cháu Trương Quốc B, sinh ngày 07/7/2008

(14 tuổi 9 tháng 29 ngày) đang quản lý (xe mô tô của anh ruột B là anh Trương Chí N1 đăng ký sở hữu giao cho Bảo quản l sử dụng) đến cùng uống cà phê với H. Tại đây, do muốn có tiền tiêu xài nên H bàn bạc với M giả vờ hỏi mượn xe mô tô của B để đi công chuyện riêng, sau đó sẽ đem xe đi thế chấp lấy tiền tiêu xài, M đồng ý. Lúc này, M điều khiển xe mô tô đi rước cháu B đến để cùng uống cà phê với H. Như đã bàn bạc trước đó, M hỏi mượn xe mô tô của cháu B để đi công việc với H thì B đồng ý. Sau đó, H, M và B cùng đi bằng xe mô tô biển số 70B2-094.04 của B đến quán cà phê "Thanh Thuỷ" của Đinh Hoài T thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh tiếp tục uống cà phê. Tại đây, M điều khiển xe của B đi rước Lê Quốc Đ1, sinh ngày 02/11/2006, trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh đến để cùng uống cà phê với nhóm của M. M tiếp tục hỏi mượn xe của cháu B để chở H đi công việc thì cháu B đồng ý. Do biết Đinh Hoài T có quen chỗ nhận cầm đồ nên H đi vào trong quán gặp T nói về việc lừa mượn xe mô tô của B để thế chấp lấy tiền tiêu xài và nhờ T liên hệ giới thiệu cho H đi thế xe, T đồng ý. T điện thoại cho anh Trần Thành Đình Q, sinh năm 1988, trú tại Khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là chủ tiệm cầm đồ, T nhờ anh Q nhận thế chấp xe của H, anh Q đồng ý kêu đem xe mô tô đến tiệm cầm đồ. H, M và T thống nhất nếu cháu B có hỏi thì tất cả sẽ nói xe mô tô của B đã bị Cảnh sát giao thông thị xã H bắt và tạm giữ. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH 125i, biển số 70C1-168.76 mượn của T và M điều khiển xe mô tô biển số 70B2-094.04 mượn của B cùng nhau đi đến tiệm cầm đồ của anh Q. Tại đây, H đợi ở ngoài, M trực tiếp vào gặp anh Q và thế chấp xe mô tô của B được số tiền 10.000.000 đồng, trả trước tiền lãi cho anh Q số tiền 500.000 đồng, cho T 500.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng thì H và M chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 08/5/2023, T, H và M bàn bạc tiếp tục thế chấp xe mô tô của cháu B để lấy thêm tiền tiêu xài. H ở lại quán cà phê của T, T và M đem xe mô tô hiệu Suzuki, loại RGV120, biển số 70D1-335.18 của T đến tiệm cầm đồ "Trần Tài" của anh Trần Thái T3, sinh năm 1993 thuộc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh thế chấp được số tiền 10.000.000 đồng, M chở T đến tiệm cầm đồ của anh Q chuộc lại xe mô tô của cháu B. Sau đó, T và M đem xe mô tô biển số 70B2-094.04 của cháu B đến tiệm cầm đồ của anh T3 để tiếp tục thế chấp nhưng anh T3 yêu cầu chính chủ xe mô tô ký giấy tờ thế chấp, T kêu M chạy về quán cà phê của T để kêu H lên giả chữ ký của cháu B. Lúc này, H nói với cháu B cần giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và căn cước công dân để đi đóng phạt lấy xe về, cháu B đồng ý

giao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô bản photo công chứng và căn cước công dân của cháu B. Sau đó, H đeo khẩu trang, mạo danh là Trương Quốc B, đem giấy tờ đến tiệm cầm đồ "Trần Tài" gặp T rồi giả chữ ký, chữ viết ghi họ tên người thế chấp là Trương Quốc B, ký giấy tờ thế chấp xe mô tô biển số 70B2-094.04 của cháu B cho anh T3 được số tiền 15.000.000 đồng, T lấy 10.000.000 đồng chuộc lấy xe của T vừa thế chấp và trả 150.000 đồng tiền lãi, còn lại số tiền 4.850.000 đồng Thanh và H chia nhau tiêu xài cá nhân hết. T và H tiếp tục bàn bạc sẽ nói dối cháu B là do khi bị bắt xe, M và H bỏ chạy không lập biên bản nên không lấy xe ra được.

Đến ngày 12/5/2023 do đã xài hết số tiền thế chấp xe mô tô, T và H bàn bạc sẽ bán xe mô tô của cháu B để lấy tiền tiêu xài. H đến tiệm cầm đồ "Trần Tài", giả mạo là Trương Quốc B, giả chữ ký, chữ viết ghi họ tên người bán xe là Trương Quốc B và bán xe mô tô của cháu B cho anh T3 với số tiền 21.000.000 đồng, trừ số tiền thế chấp trước đó là 15.000.000 đồng, tiền lãi 300.000 đồng, còn lại 5.700.000 đồng thì H, T và M chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 02/6/2023, cháu B đến Công an xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh trình báo sự việc.

* Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 12/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, biển số xe 70B2-094.04, màu sơn đen, số máy JMC1E1000971, số khung MH1JMC117NK000956 (đã qua sử dụng) có giá trị 40.000.000 đồng.

* Kết luận giám định số 1119/KL-KTHS ngày 31/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chữ ký "Bảo", chữ viết họ tên "Trương Quốc Bảo" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A01, A02) với chữ ký "Bảo", chữ viết họ tên "Trương Quốc B" trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01) là do cùng một người ký và viết ra.

Đối với Võ Phạm Hoàng M, sinh ngày 19/01/2009, có độ tuổi là 14 tuổi 3 tháng 17 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với Lê Quốc Đ1 không tham gia bàn bạc, không biết các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý.

Đối với anh Trần Thành Đình Q và anh Trần Thái T3, không biết xe mô tô biển số 70B2-094.04 do các bị cáo phạm tội mà có nên không đề nghị xử lý.

Ngày 12/5/2023, Đinh Hoài T đã bán xe mô tô hiệu Suzuki, loại RGV120, biển số 70D1-335.18 cho anh Trần Thái T3; ngày 26/5/2023, T bán xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH 125i, biển số 70C1-168.76 cho một người không rõ họ tên và địa chỉ. Ngày 13/5/2023, anh T3 đã bán xe mô tô hiệu Suzuki, loại RGV120, biển số 70D1-335.18 cho một người không rõ họ tên và địa chỉ nên không thu hồi được.

Qua xác minh các bị cáo không có tài sản nên không kê biên.

Cáo trạng số: 77/CT-VKSCT ngày 01 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trần Trọng H và Đinh Hoài T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Trọng H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm i, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Hoài T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo H, bị cáo T, chị T2 và anh L2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho bị hại. Ghi nhận bị cáo T đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng.

Bị cáo T thống nhất với bản cáo trạng, bị cáo H chỉ thống nhất một phần bản cáo trạng, chưa thống nhất số tiền bị cáo H và cháu M nhận được sau lần đầu tiên thế chấp xe cho anh Trần Thành Đình Q. Các bị cáo thống nhất luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến bào chữa cho mình.

Bị hại và ông H1 yêu cầu các bị cáo và cháu Võ Phạm Hoàng M có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, đã nhận từ gia đình bị cáo Đinh Hoài T 7.000.000 đồng, yêu cầu xử lý các bị cáo đúng quy định pháp luật. Bị cáo T, chị T2 đồng ý bồi thường cho bị hại, bị cáo H không đồng ý bồi thường.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại - Ông Lê Thanh Đ: Thống nhất mức hình phạt của đại diện Viện Kiểm sát, yêu cầu bị cáo

H, bị cáo T, chị T2 và anh L2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Tuyết N là người đại diện hợp pháp của bị hại, anh Trương Chí N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ vào các Điều 292, 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về tội danh:

[2.1] Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên toà, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo H cũng khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng nội dung bản Cáo trạng nhưng không thống nhất số tiền bị cáo H và cháu M nhận được sau lần đầu tiên thế chấp xe cho anh Trần Thành Đình Q, bị cáo H cho rằng sau khi trừ phí 500.000 đồng, cho cháu M 50.000 đồng, còn lại bị cáo H và bị cáo T chia nhau. Bị cáo H cho rằng lời khai tại cơ quan điều tra về số tiền bị cáo H và cháu M nhận được sau lần đầu tiên thế chấp xe cho anh Q là chưa chính xác. Do không có căn cứ chứng minh việc hỏi cung của bị cáo H tại cơ quan điều tra có vi phạm và lời khai tại phiên tòa của bị cáo H không phù hợp với bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo H, của bị cáo T và cháu M có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nên lời khai của bị cáo H tại phiên tòa về số tiền nhận được không có căn cứ để xem xét. Căn cứ bản tự khai, biên bản hỏi cung bị can, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được như sau: Từ ngày 06/5/2023

đến ngày 12/5/2023, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Trần Trọng H, Đinh Hoài T và Võ Phạm Hoàng M có độ tuổi là 14 tuổi 3 tháng 17 ngày bàn bạc, thống nhất dùng thủ đoạn gian dối, giả vờ mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu sơn đen, biển số 70B2-094.04 có giá trị 40.000.000 đồng do Trương Quốc B có độ tuổi 14 tuổi 9 tháng 29 ngày quản lý rồi chiếm đoạt. Hành vi của các bị cáo H, T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Bị cáo H, bị cáo T và Võ Phạm Hoàng M có sự câu kết chặt chẽ với nhau thể hiện bàn bạc, thống nhất dùng thủ đoạn gian dối giả vờ mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu sơn đen, biển số 70B2-094.04 do Trương Quốc Bảo quản l1 rồi chiếm đoạt. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Trần Trọng H, Đinh Hoài T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo về tội phạm nêu trên là có căn cứ.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3.2] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo H là người chủ mưu, cùng bàn bạc với bị cáo T, cháu M; bị cáo T là người thực hành; dưới sự chủ mưu của bị cáo H, các bị cáo và cháu M cùng thực hiện thủ đoạn gian dối giả vờ mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu sơn đen, biển số 70B2-094.04 có giá trị 40.000.000 đồng do cháu Bảo quản l1 rồi chiếm đoạt. Vì vậy, bị cáo H giữ vai trò chính trong vụ án, có vai trò cao hơn so với bị cáo T.

[3.3] Về nhân thân: Bị cáo H có 01 tiền sự; bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[3.4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: bị cáo H, bị cáo T đã xúi giục Võ Phạm Hoàng M có độ tuổi là 14 tuổi 3 tháng 17 ngày bàn bạc, thống nhất dùng thủ đoạn gian dối, giả vờ mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu sơn đen, biển số 70B2-094.04 có giá trị 40.000.000 đồng do Trương Quốc B có độ tuổi 14 tuổi 9 tháng 29 ngày quản lý rồi chiếm đoạt là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm i, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[3.5.1] Bị cáo H, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[3.5.2] Bị cáo H có ông nội, bà nội là người có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.6] Về áp dụng hình phạt: Từ những phân tích ở mục 3.1 đến mục 3.5 thấy rằng, bị cáo H chịu hình phạt cao hơn bị cáo T. Xét thấy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[4] Vì vậy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đề nghị là có căn cứ để xem xét một phần.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là có căn cứ để xem xét một phần về hình phạt.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

[6.1] Tại phiên tòa, cháu B và ông H1 yêu cầu các bị cáo H, T và cháu Võ Phạm Hoàng M có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Bị cáo T, chị T2 đồng ý bồi thường, bị cáo H không đồng ý bồi thường cho bị hại. Xét thấy, thiệt hại của bị hại là do các bị cáo và cháu M gây ra, chiếc xe được định giá có giá trị là 40.000.000 đồng nên các bị cáo và cháu M có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại. Do cháu M chưa đủ 15 tuổi nên chị T2 và anh L2 là cha mẹ của M phải bồi thường.

[6.2] Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại tương ứng mức độ lỗi của từng người thấy rằng: bị cáo H có mức độ lỗi là 50%, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền là 20.000.000 đồng, bị cáo T có mức độ lỗi 37,5% có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền là 15.000.000 đồng, cháu M có mức độ lỗi 12,5%, chị T2 và anh L2 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền là 5.000.000 đồng.

[6.3] Vì vậy, bị cáo H, bị cáo T và chị T2 và anh L2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho bị hại; trong đó, bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo T nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị

cáo T còn bồi thường số tiền 8.000.000 đồng, chị T2 và anh L2 có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng.

[7] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[7.1] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7.2] Bị cáo H phải chịu 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu 8.000.000 đồng x 5% = 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T2 và anh L2 phải chịu 5.000.000 đồng x 5% = 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trần Trọng H, Đinh Hoài T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

1.1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Trọng H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2023.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm i, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Hoài T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2023.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Trọng H, bị cáo Đinh Hoài T, chị Phạm Thị Mộng T2 và anh Võ Phước L2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho cháu Trương Quốc B số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Trong đó:

Bị cáo Nguyễn Trần Trọng H có nghĩa vụ bồi thường cho cháu Trương Quốc B số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Bị cáo Đinh Hoài T có nghĩa vụ bồi thường cho cháu Trương Quốc B số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Ghi nhận bị cáo Đinh Hoài T đã bồi

thường số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Bị cáo Đinh Hoài T còn phải bồi thường số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Chị Phạm Thị Mộng T2 và anh Võ Phước L2 có nghĩa vụ bồi thường cho cháu Trương Quốc B số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Trần Trọng H, Đinh Hoài T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Trần Trọng H phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đinh Hoài T phải chịu 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Mộng T2 và anh Võ Phước L2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Người bảo vệ Q&LIHP của bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Hằng